ruò xiǎo

弱小

adjective · weak and small; vulnerable

Example Sentences

Zhè zhī xiǎo māo hěn ruò xiǎo
这只小猫很弱小。

This kitten is very weak and small.

Wǒ men yīng gāi bāng zhù ruò xiǎo de dòng wù
我们应该帮助弱小的动物。

We should help vulnerable animals.

Trace each character, then write the word on your own.

弱 弱 弱 弱 弱 弱 弱 弱 弱 弱 弱
弱 弱

小 小 小 小 小 小